



KPMG'S COPY

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC

NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng

**Giấy phép Thành lập
Ngân hàng số**

576/GP-UB

ngày 8 tháng 10 năm 1992.

Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động Ngân hàng số**

0025/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0301378892

ngày 16 tháng 10 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 25 tháng 4 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Tài
Bà Nguyễn Thanh Phương
Ông Ngô Quang Trung
Ông Nguyễn Hoài Nam
Ông Vương Công Đức

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quang Trung
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Lê Văn Bé Mười
Ông Phạm Anh Tú
Ông Lý Công Nha

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Hồng Lan
Ông Võ Thanh Hải
Ông Lê Hoàng Nam

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 85 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 85.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh 3(g)(v), Thuyết minh 9(ii) và Thuyết minh 41(e) liên quan tới việc trích lập bổ sung dự phòng rủi ro đối với Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành. Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ về vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00279/1*2-19-1



Chang Hùng Chún
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

	Thuyết minh	30/06/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt	4	463.598
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	544.775
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	5.327.243
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		4.607.343
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		719.900
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	18	-
VI	Cho vay khách hàng		31.031.760
1	Cho vay khách hàng	7	31.416.706
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(384.946)
VIII	Chứng khoán đầu tư	9	5.752.067
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.580.198
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.301.441
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(129.572)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	100.000
1	Đầu tư vào công ty con		100.000
X	Tài sản cố định		1.102.019
1	Tài sản cố định hữu hình	11	324.871
a	Nguyên giá		460.132
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(135.261)
3	Tài sản cố định vô hình	12	777.148
a	Nguyên giá		886.387
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(109.239)
XII	Tài sản Có khác		2.850.544
1	Các khoản phải thu	13	1.490.790
2	Các khoản lãi, phí phải thu		1.170.522
4	Tài sản Có khác	14	266.574
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(77.342)
TỔNG TÀI SẢN			47.172.006
			47.053.696

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

	Thuyết minh	30/06/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	60.706
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	8.216.916
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.217.608
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		999.308
III	Tiền gửi của khách hàng	17	34.409.685
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	18	2.705
VI	Phát hành giấy tờ có giá	19	10
VII	Các khoản nợ khác		870.050
1	Các khoản lãi, phí phải trả		818.894
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	51.156
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		43.560.072
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	22	3.611.934
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.171.009
a	Vốn điều lệ		3.171.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		1
c	Thặng dư vốn cổ phần		8
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		140.881
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(2.485)
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		302.529
a	Lợi nhuận sau thuế kỳ này		38.122
b	Lợi nhuận lũy kế kỳ trước		264.407
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.611.934
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		47.172.006

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

			30/06/2019	31/12/2018
			Triệu VND	Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1	Bảo lãnh vay vốn	33	150.046	150.046
2	Cam kết giao dịch hối đoái	33	32.371.175	21.299.720
	▪ Cam kết mua ngoại tệ	33	2.871.597	1.374.943
	▪ Cam kết bán ngoại tệ	33	2.405.073	815.270
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi	33	27.094.505	19.109.507
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	33	97.201	131.229
5	Bảo lãnh khác	33	1.335.573	1.268.442

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập

Bùi Thị Quanh
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát

Lý Công Nha
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

		Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2019	30/06/2018
			Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	1.795.962	1.455.028
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	1.378.723	1.041.865
I	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự thuần		417.239	413.163
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	45.782	24.634
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	17.524	14.715
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	28.258	9.919
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	19.622	33.628
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	21.646	38.993
5	Thu nhập từ hoạt động khác	28	20.418	2.040
6	Chi phí hoạt động khác	28	1.367	267
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	19.051	1.773
VIII	Chi phí hoạt động	29	412.197	327.373
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		93.619	170.103
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	45.915	117.935
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		47.704	52.168

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
 Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
 kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B03a/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/06/2019 Triệu VND	30/06/2018 Triệu VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang từ trang trước sang)	47.704	52.168
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	9.582
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.582	8.950
XIII	Lợi nhuận sau thuế	38.122	43.218

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập

 Bùi Thị Quanh
 Phó phòng kế toán

Người kiểm soát

 Lý Công Nha
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt


 Phạm Anh Tú
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/06/2019 30/06/2018
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.629.685	1.362.609
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.332.572)	(1.040.987)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	28.258	9.919
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	39.618	74.871
05	Thu nhập khác	8.843	433
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.474	810
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(385.329)	(324.455)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(1.661)	(152)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	(11.684)	83.048

Những thay đổi về tài sản hoạt động

09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(158.700)	240.000
10	Giảm/(tăng) các khoản kinh doanh chứng khoán	204.185	(23.635)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	22.591	7.796
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(1.726.238)	(520.884)
13	Tăng/(giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	158	(100)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(180.525)	(110.246)

Những thay đổi về công nợ hoạt động

15	Tăng các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	60.706	-
16	Giảm các khoản tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(487.294)	(150.015)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	379.370	1.374.239
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	2.705	19.144
21	Tăng khác về công nợ hoạt động	3.670	20.661
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(9)	-

I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(1.891.065)	940.008
----------	--	--------------------	----------------

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
 Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng
 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04a/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
 30/06/2019 30/06/2018
 Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(162.167)	(141.224)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22.455	9.952
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(7)	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	431.460	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn	3.393	3.719
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	295.134	(127.553)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	76.005	-
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	76.005	-
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỶ	(1.519.926)	812.455
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỶ	7.249.327	5.863.818
VI	ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	(2.485)	(11.321)
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỶ (THUYẾT MINH 32)	5.726.916	6.664.952

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập



Bùi Thị Quanh
 Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lê Công Nha
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú
 Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này